

Bản án số: 315/2024/HS-PT

Ngày: 09-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Lê Công Huân

2/ Bà Lê Thị Thương Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Đăng Khuong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 266/2024/TLPT-HS, ngày 29/7/2024 đối với các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 270/2024/HS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn S1; giới tính: Nam; sinh năm: 1985, tại tỉnh Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú: Ấp PV, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở: 52 Đường 8, phường LX, thành phố Q, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1960 và bà Hồ Thị T2, sinh năm 1960; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 05 anh chị em; bị cáo có vợ là Nguyễn Cát Mai T3, sinh năm 1982 và 02 con (con lớn, sinh năm 2008 và con nhỏ, sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/10/2023 đến ngày 09/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Ngọc H1; giới tính: Nam; sinh năm: 1995, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; thường trú: Ấp PV, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 12/12; nghề

nghiep: Kinh doanh; con ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1960 và bà Hồ Thị T2, sinh năm 1960; bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh chị em và bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/10/2023 đến ngày 09/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị: **Đặng Út N1**, giới tính: Nam, sinh năm: 1979, tại Cà Mau; nơi thường trú: Ấp RL, xã PT, huyện X, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Không; con ông Đặng Văn N2 và bà Phú Ngọc Đ; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ: Nguyễn Kim C, sinh năm 1983 và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 09/11/2004, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trong thời gian chờ chấp hành án bị cáo bỏ trốn; theo Bản án số 56/2005/HSST ngày 30/9/2005 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án chưa chấp hành là 04 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 08/5/2009; theo Bản án số 25/2005/HSPT ngày 26/12/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt là 04 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 08/5/2009; theo Bản án số 71/2010/HSST ngày 01/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 08/5/2009; theo Bản án số 04/2011/HSPT ngày 17/01/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung; theo Bản án số 48/2011/HSST ngày 23/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 26/02/2013. Qua xác minh tại Chi cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời chưa nhận được bản án; theo Bản án số 36/2015/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 06/9/2014. Chấp hành xong án phí ngày 21/01/2016.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/10/2023. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Minh L; bị hại Nguyễn Hoàng S2 và Trịnh Đức H2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Minh L rủ Đặng Út N1 đi tìm nhà người khác để lấy trộm tài sản thì Đặng Út N1 đồng ý. Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04/10/2023, Út N1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ, biển số 69F1-196.72 chở L đến bến sông ở cầu thuộc Khu công nghệ cao, phường TP, thành phố Q, Thành phố Hồ Chí Minh rồi cùng đi xuống vó lãi bằng nhựa Composite hiệu HVC có gắn máy (do Nguyễn Minh L mượn của người thanh niên tên T4 không rõ lai lịch), Đặng Út N1 điều khiển vó lãi chở L chạy trên sông hướng về phường TT, thành phố Q. Khi đến nhà tại địa chỉ: 56/27/30 đường Z, khu phố TĐ, phường TT, thành phố Q, Thành phố Hồ Chí Minh thì L thấy nhà còn mở đèn ở sân nên kêu Út N1 điều khiển vó lãi vào bờ. L lên bờ, cầm theo kìm cộng lực cắt hàng rào dây thép gai rồi trèo vào sân sau căn nhà thì phát hiện cửa nhà không khóa, chủ nhà đã ngủ, L trèo ra kêu Út N1 cùng đi vào trong nhà. L đi vào trong phòng ngủ dưới tầng trệt tìm tài sản phát hiện lấy trộm 01 (một) máy tính xách tay hiệu Dell, 01 (một) đồng hồ hiệu Apple Watch màu xanh đen, 01 (một) bộ tai nghe không dây hiệu Sony WS màu đen đưa cho Út N1 cầm. Sau đó, L đi lên lầu lấy trộm 01 (một) máy tính bảng hiệu Ipad, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 (một) đồng hồ màu vàng hiệu Calvin Klein, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro đưa cho Út N1 mang ra bên ngoài. Lúc này, L tiếp tục lên lầu tìm tài sản thì anh Nguyễn Hoàng S2 thức dậy phát hiện nên truy hô nên L bỏ chạy xuống lầu rồi trèo ra xuống vó lãi nơi Út N1 đang đứng đợi. Út N1 điều khiển vó lãi chở L đi về bến sông ban đầu để lấy xe mang tài sản vừa trộm về lại nhà trọ của L.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, L điện thoại cho Nguyễn Văn S1, là chủ cửa hàng mua bán điện thoại di động ĐP (địa chỉ: 52 Đường số 8, phường LT, thành phố Q, Thành phố Hồ Chí Minh) nói có 02 điện thoại di động Iphone cần bán thì S1 đồng ý mua, S1 nói L mang đến cửa hàng để nhân viên kiểm tra hàng vì S1 đang ở quê tại Nha Trang. Sau đó, L cầm 05 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, 6G, 6 Plus, 13 Pro, 14 Pro (có cài mật khẩu) đến Cửa hàng mua bán điện thoại di động ĐP gặp Nguyễn Ngọc H1 (em ruột của S1). Sau khi kiểm tra, H1 điện thoại cho S1 thông báo loại máy, tình trạng các máy điện thoại di động thống nhất mua 05 điện thoại di động với số tiền 12.500.000 đồng (trong đó: Iphone 6S, 6G, 6 Plus giá 500.000 đồng, Iphone 13 Pro giá 4.000.000 đồng và Iphone 14 Pro 7.000.000 đồng), L không đồng ý bán điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro với giá 7.000.000 đồng nên H1 thanh toán cho L số tiền 5.500.000 đồng. Do điện thoại di động có mật khẩu, S1 nhắn tin cho H1 qua hệ thống tin nhắn Messenger thông báo các máy điện thoại di động của L bán do trộm cắp nói H1 sử dụng giấy bạc gói các máy điện thoại di động lại nhằm chống thiết bị định vị phát hiện. Đến

khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, L đến Cửa hàng cầm đồ TH mobile, địa chỉ: 35 đường NC, phường TP, thành phố Q, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Lê Văn H3 là chủ cửa hàng bán máy tính xách tay hiệu Dell, máy tính bảng hiệu Apple Gen 5; anh H3 trả giá 3.000.000 đồng (trong đó: Máy tính bảng giá 1.000.000 đồng, Ipad Gen 5 giá 2.000.000 đồng) thì L đồng ý. L mua 01 card Viettel giá 100.000 đồng; còn lại anh H3 thanh toán cho L 2.900.000 đồng. Sau đó, anh H3 bán máy tính bảng hiệu Apple Gen 5 cho 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) với số tiền 3.100.000 đồng. Khoảng 09 giờ 15 phút, ngày 06/10/2023 L tiếp tục liên hệ Cửa hàng mua bán điện thoại di động ĐP gặp H1, H1 điện thoại cho S1 thông báo và đồng ý mua điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, S1 nhắn tin cho H1 nói sử dụng giấy bạc gói các máy điện thoại di động lại chuyển các điện thoại di động đi cất giấu chỗ khác. Sau khi bán tài sản trộm cắp thì L chia cho Út N1 3.000.000 đồng, L và Út N1 đã tiêu xài hết số tiền trên.

Bản kết luận định giá số 129-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q kết luận: 01 (một) đồng hồ hiệu Apple Watch màu xanh đen, trị giá 5.033.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu vàng, trị giá 14.330.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, trị giá 18.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu xám, trị giá 1.270.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6G, màu vàng, trị giá 1.230.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, trị giá 1.200.000 đồng; 01 (một) bộ tai nghe không dây hiệu Sony WS màu đen trị giá 1.542.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu Apple Gen 5 trị giá 3.830.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 46.935.000 đồng.

Đối với đồng hồ màu vàng hiệu Calvin Klein đã qua sử dụng do không có hóa đơn chứng nân của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q từ chối giám định.

Ngoài ra, Nguyễn Minh L còn khai nhận ngày 03/10/2023, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ, biển số 69F1-196.72 đi một mình đến Nhà số 89 Đường 2, khu phố LĐ, phường LP, thành phố Q do anh Trịnh Đức H2 và chị Nguyễn Thị Mỹ N3 làm chủ lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng; số tiền 1.000.000 đồng và tờ tiền 100 USD. Sau khi lấy trộm xong L mang đến Cửa hàng mua bán điện thoại di động ĐP bán cho Nguyễn Văn H1 tổng 03 điện thoại trên là 10.000.000 đồng và L đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá số 61-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, màu vàng, trị giá 13.167.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, màu vàng, trị giá 5.033.000 đồng;

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, trị giá 2.600.000 đồng. Tổng trị giá 20.800.000 đồng; Tỷ giá mua bán USD ngày 03/10/2023 của ngân hàng Vietcombank là 24.180 đồng /1USD. 100 USD trị giá 2.418.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 24.218.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Nguyễn Minh L, Đặng Út N1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn S1 đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Tại bản Cáo trạng 240/CT-VKSTPTĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Minh L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Đặng Út N1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 270/2024/HS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh L và Đặng Út N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Đặng Út N1: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S1**: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 12/10/2023 đến ngày 09/01/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H1**: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 12/10/2023 đến ngày 09/01/2024.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 26/6/2024, bị cáo Nguyễn Văn S1 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Ngọc H1 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

- Các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo với lý do toàn bộ tài sản phạm tội đã giao trả lại cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đồng thời các bị cáo đều có cha mẹ đã già yếu, bị cáo S1 có vợ làm nội trợ không có thu nhập trong khi nuôi 02 con nhỏ, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tại phiên tòa hôm nay bị cáo S1 đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên xin được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu kết luận vụ án:* Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo bổ sung thêm tình tiết mới là tài sản mà các bị cáo mua đã được trả lại cho chủ sở hữu, nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tại phiên tòa hôm nay bị cáo S1 đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đặc biệt với bị cáo S1 là người chủ mưu. Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 và y án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Út N1 thực hiện 01 vụ trộm cắp có tổng giá trị là 46.935.000 đồng nhưng đã 05 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nên lần phạm này thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là chưa chính xác, vì các lần phạm trộm cắp tài sản của bị cáo đã được xét xử và đã được đương nhiên xóa án, nên lần phạm tội này của bị cáo

không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Từ đó đề nghị áp dụng Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự để sửa án sơ thẩm theo hướng có lợi đối với bị cáo Đặng Út N1, mặc dù bị cáo không kháng cáo, cũng không bị kháng nghị, để áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xét xử bị cáo Đặng Út N1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Bị cáo S1 có ý kiến tranh luận: Bản thân bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội, chứ không phải bị cáo không thành khẩn khai báo, nay được nghe giải thích bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình, nên xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo H1 có ý kiến tranh luận: Bị cáo chỉ là người làm thuê cho anh S1 và làm theo các chỉ định của anh S1, bị cáo đã thành khẩn khai báo và rất mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Qua nội dung tranh luận, đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 25/6/2024 các bị cáo Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Văn S1 cùng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn S1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, và trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04/10/2023, Nguyễn Minh L và Đặng Út N1 đột nhập vào Nhà số 56/27/30 đường Z, khu phố TĐ, phường TT, thành phố Q, Thành phố Hồ Chí Minh rồi lén lút chiếm đoạt 01 (một) máy tính bảng hiệu Ipad, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro của anh Nguyễn Hoàng S2, có tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 46.935.000 đồng. Trước đó ngày 03/10/2023, Nguyễn Minh L đột nhập vào Nhà số 89 Đường 2, khu phố LĐ, phường LP, thành phố Q rồi lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, màu vàng; 01 (một) điện

thoại di động hiệu Iphone XSMax, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, số tiền 1.000.000 đồng và tờ tiền 100 USD của anh Trịnh Đức H2, tổng trị giá tài sản L chiếm đoạt là 24.218.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Minh L chiếm đoạt là 71.153.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 biết rõ tài sản do Nguyễn Minh L bán là do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn mua để bán lại để kiếm lời, cụ thể: Ngày 03/10/2023, mua 03 điện thoại gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, màu vàng, trị giá 13.167.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XSMax, màu vàng, trị giá 5.033.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, trị giá 2.600.000 đồng. Tổng trị giá 20.800.000 đồng. Đến ngày 05/10/2023, mua 06 điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu vàng, trị giá 14.330.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, trị giá 18.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu xám, trị giá 1.270.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6G, màu vàng, trị giá 1.230.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, trị giá 1.200.000 đồng. Tổng là 36.530.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trong hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 là 57.330.000 đồng.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 đã cấu thành tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã xét xử bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo:

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Trong đó, các bị cáo đưa ra các tình tiết để làm cơ sở xem xét như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn S1 cho rằng bị cáo đã tự nguyện giao toàn bộ tài sản phạm pháp để cơ quan có thẩm quyền giao trả lại cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có cha mẹ đã già yếu, vợ bị cáo làm nội trợ không có thu nhập trong khi nuôi 02 con nhỏ, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tại phiên tòa sơ thẩm, do bị cáo không nhận thức đầy đủ quy định pháp luật nên chưa khai rõ hành vi của mình, nay bị cáo xin nhận thức đầy đủ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo đã ăn năn hối cải nên xin được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc H1 cho rằng bị cáo đã tự nguyện giao toàn bộ tài sản

phạm pháp để cơ quan có thẩm quyền giao trả lại cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; ngoài ra, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP. Đồng thời, bị cáo đề nghị xem xét về nhân thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già yếu, bị cáo chỉ học đến lớp 8 thì nghỉ học để đi làm nên kiến thức pháp luật còn hạn chế.

Xét hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo:

Khi lượng hình thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo là: Các bị cáo đã thực hiện 02 lần hành vi phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo L, Út N1 và H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo S1 khai báo không thành khẩn, quanh co chối tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo S1 và bị cáo H1 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời cấp sơ thẩm còn nhận định bị cáo H1 là nhân viên, thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo của bị cáo S1, có vai trò thứ yếu để cân nhắc để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, vai trò trong đồng phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo S1 và H1 đã giao toàn bộ tài sản phạm pháp để cơ quan có thẩm quyền giao trả lại cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo, ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn S1 đã thừa nhận hành vi, thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo H1 và bị cáo S1 biết rõ các tài sản mà bị cáo L bán là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn 02 lần mua các tài sản do Nguyễn Minh L bán là do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn mua để bán lại để kiếm lời, tuy bị cáo S1 có thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và những lần bị cáo phạm tội đều là ít nghiêm trọng, song do bị cáo S1 là người chủ mưu nên không có cơ sở để cho bị cáo được hưởng án treo, song trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên thì mức án 02 năm tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo S1 để sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo một

phần hình phạt là cũng đủ thời gian để bị cáo tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật.

Như nhận định trên, bị cáo H1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sau khi cân nhắc đến nhân thân người phạm tội thì xét bị cáo phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, hai lần bị cáo phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với vai trò là người giúp sức, thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo S1, có vai trò đồng phạm thứ yếu. Như vậy, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, nhân thân và nơi cư trú rõ ràng của bị cáo, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù nhưng cho bị cáo H1 được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét đối với Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Út N1 thực hiện 01 vụ trộm cắp có tổng giá trị là 46.935.000 đồng nhưng đã 05 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nên lần phạm này thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp là chưa chính xác, vì các lần phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo Đặng Út N1 đã được xét xử và đã được đương nhiên đã được xóa án, nên lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Mặc dù bị cáo Đặng Út N1 không kháng cáo, cũng không bị kháng nghị và vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay, trên cơ sở xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để sửa án đối với phần hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Đặng Út N1 theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Những lập luận trên đây cũng là căn cứ để không chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo S1, H1 và y án sơ thẩm đối với Nguyễn Văn S1, Nguyễn Ngọc H1. Tuy nhiên, chấp nhận đề nghị về sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đặng Út N1.

Lập luận trên cũng là cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1 về giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S1 và cho bị cáo H1 được hưởng án treo.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Ngọc H1. Sửa bản án sơ thẩm số 270/2024/HS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với Nguyễn Văn S1, Nguyễn Ngọc H1.

Đồng thời chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa bản án sơ thẩm số 270/2024/HS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Đặng Út N1.

2. Về hình phạt:

2.1/ Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S1**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 12/10/2023 đến ngày 09/01/2024.

2.2/ Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H1**: 01 (một) năm tù, về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 09/9/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc H1 cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Ngọc H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2.3/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Đặng Út N1**: 03 (ba) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù được tính từ ngày 12/10/2023.

4. Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Các bị cáo Nguyễn Văn S1, Nguyễn Ngọc H1 và Đặng Út N1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Ngọc H1)

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND thành phố Q; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND thành phố Q; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA TP. TĐ; (3)
- Bị cáo; (3)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn